

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN THÀNH  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: **28/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 27- 4 - 2021  
(V/v: Tranh chấp về yêu cầu  
Không công nhận quan hệ vợ chồng)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Lê Thị Nhung.  
*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. ông Trần Văn Hân
2. ông Nguyễn Đình Bảng

**- Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Bá Kiên - Chức vụ: Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:**  
Ông Luyện Văn Thông - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” thụ lý số: **59/2021/TLST-HNGĐ** ngày 18 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **57/2021/QĐST - HNGĐ** ngày 14 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** bà Trần Thị N - sinh năm 1967 (*có mặt*)  
Địa chỉ cư trú: xóm 4, xã S, huyện Y, tỉnh Nghệ An.  
**- Bị đơn:** ông Lê Trọng C - sinh năm 1964 (*có mặt*)  
Địa chỉ cư trú: xóm 4, xã S, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2021, bản tự khai quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày: bà và ông Lê Trọng C trước khi cưới 2 bên đã tìm hiểu nhau tự nguyện, không ai ép buộc và đã đi đăng ký kết hôn vào ngày 04/6/1988 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên do thời gian đã lâu, nhà cửa bị hư hỏng do lụt bão nên giấy tờ bị thất lạc không tìm thấy được. Ngày 31/3/2021 bà làm đơn yêu cầu UBND xã N xác nhận mất Giấy đăng ký kết hôn nhưng UBND xã xác nhận không có hồ sơ gốc lưu kết hôn của bà và ông C. Tại phiên tòa bà đề nghị Tòa án chấm dứt quan hệ vợ chồng với ông C để bà được ổn định cuộc sống, theo bà trình bày nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng mâu

thuần là 2 bên bất đồng quan điểm, do ông C gia trưởng, thường xuyên chửi bới xúc phạm thậm chí đánh đập bà làm ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống tinh thần cũng như sức khỏe của bà; mâu thuẫn đỉnh điểm là vào cuối năm 2010 bà không chịu đựng được nên đã làm đơn báo Công an xã S về việc bị ông C đánh đập nhưng khi Công an xã có giấy mời báo ông C lên làm việc thì ông C tiếp tục đánh bà và nát tờ giấy mời rồi nhét vào miệng bà, nhận đầu bà xuống ao không cho ai vào can ngăn, bà đã nhiều lần bỏ về ngoại nhưng vì nghĩ đến con cái nên đã quay về chung sống nhưng cứ về chung sống được một thời gian thì lại phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2012 thì bà quyết định không ở với ông C nữa bà bỏ vào Nam đi làm thuê hiện nay bà vẫn đi làm thuê giúp việc ở huyện Yên Thành; bà và ông C đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa nay bà đề nghị Tòa án xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông C.

- Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung là cháu Lê Trọng K, sinh ngày 19/12/1989; cháu Lê Trọng T, sinh ngày 23/01/1991 và cháu Lê Thị L, sinh ngày 22/01/1994. Con chung hiện đã trưởng thành bà N không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/3/2021, quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Lê Trọng C trình bày cụ thể như sau:

- Ông thừa nhận lời trình bày của bà N là trước khi cưới vợ chồng đã tìm hiểu nhau tự nguyện và kết hôn vào ngày 04/6/1988 tại UBND xã S nhưng tại phiên tòa ông đã thừa nhận là kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An như bà N trình bày, tuy nhiên thì hiện đã mất giấy đăng ký và tại xã UBND xã S cũng như xã N đều không có lưu đăng ký kết hôn của ông và bà N. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn thì ông thừa nhận là vợ chồng cũng thường xuyên cãi vã ông cũng có đánh bà N nhưng không đến mức độ như bà N Trình bày ông cũng thừa nhận có sự việc ông bỏ giấy vào miệng bà N nhưng theo ông thì bà N là phụ nữ là người vợ thì phải làm đúng thiên chức của mình bà N hay cãi lại ông, không nghe lời ông nên ông có đánh bà cũng là dạy dỗ vợ trong nhà. Ông cũng thừa nhận 2 bên đã sống ly thân nhưng vì tuổi cũng đã nhiều, con cái thì đã có gia đình nên ông mong muốn bà N suy nghĩ lại hai bên bỏ hết những hiểu lầm những xích mích để quay lại với nhau, tuy nhiên bà N kiên quyết đề nghị Tòa án không công nhận giữa ông và bà N là vợ chồng không quay về đoàn tụ với ông nữa thì tùy bà N ông không ép buộc.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung đã trưởng thành như bà N trình bày ông không có ý kiến gì thêm.

- Về tài sản chung: Ông C không yêu cầu tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**1. Về thủ tục tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân & Gia đình về việc tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông C có hộ khẩu thường trú tại xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An được quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành.

**2. Về nội dung:**

[2.1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị N, ông Lê Trọng C đều trình bày có đăng ký kết hôn vào ngày 04/6/1988, tuy nhiên bà N trình bày đăng ký kết hôn ở xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, ông C trình bày đăng ký kết hôn ở xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Thành, huyện Yên Thành thì bà N, ông C không đăng ký kết hôn tại xã. Tại giấy xác nhận ngày 31/3/2021 của Ủy ban nhân dân xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An thì ông C, bà N cũng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Qua đó cho thấy ông C, bà N có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa ông C, bà N không được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, sống ly đã nhiều năm, ông C thừa nhận có mâu thuẫn xảy ra; tuy ông C mong muốn 2 bên đoàn tụ vì cho rằng những mâu thuẫn đó là bình thường gia đình nào cũng có nhưng bà N vẫn kiên quyết không đồng ý. Xét thấy giữa bà N và ông C đã mâu thuẫn sâu sắc, hai bên đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa, nên cần căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 điều 9 và khoản 1 điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014, xử không công nhận bà N và ông C là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà N, ông C có 03 con chung cháu Lê Trọng K, sinh ngày 19/12/1989; cháu Lê Trọng T, sinh ngày 23/01/1991 và cháu Lê Thị L, sinh ngày 22/01/1994. Con chung hiện đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự bà N, ông C không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[3] Về tài sản: Các bên không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14; Điều 53 của luật Hôn Nhân và Gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị N và ông Lê Trọng C là vợ chồng.

- **Án phí:** Buộc bà Trần Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, án phí của bà N được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002878 ngày 18/3/2021. Bà N đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận**

- VKS H.Yên Thành
- Các đương sự
- THA DS H.Yên Thành
- TAND tỉnh
- Lưu hs, VP

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Lê Thị Nhung**